

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên	<i>Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên</i>	2 (TN1;2)					1 (TL1a)		1(TL7)	2,5
		<i>Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung</i>	2 (TN3,4)					1(TL4)			1,5
2	Số nguyên	<i>Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên</i>	2 (TN5, 6)	1(TL2 a)		1(TL2b)		1(TL1b) 1TL6			3
		<i>Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên</i>			2(TN 7, 8)	(1TL3,a)		(1TL3,b)			1.5
3	Thu thập và tổ chức dữ liệu	<i>- Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước</i>	3 (TN9,10,11)								0.75
4	Các hình phẳng	<i>Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều</i>			1(TN12)						0.25

	trong thực tiễn	<i>Chu vi,diện tích hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân</i>				1TL5a;b					1
Tổng			2,25	0,75	1	1,5		3		1	10
Tỉ lệ %			22,5 %	7,5%	15%	15%		30 %		10%	100%
Tỉ lệ chung			60 %				40%				100%

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ VÀ ĐẠI SỐ							
1	Số tự nhiên	<i>Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên</i>	<i>Nhận biết:</i> – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên. – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. <i>Vận dụng cao:</i> – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>).	2 (TN 1;2)		1(TL 1a)	1(TL7)
		<i>Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung</i>	<i>Nhận biết :</i> – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. – Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư. – Nhận biết được phân số tối giản.	2 (TN 3; 4)		1(TL4)	
2	Số nguyên	<i>Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên</i>	<i>Nhận biết:</i> – Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên. – Nhận biết được số đối của một số nguyên. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên. – Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn.	2(TN5;6) 1(TL2a)	1(TL2b)	1(TL6)	
			<i>Thông hiểu:</i> – Biểu diễn được số nguyên trên trục số. – So sánh được hai số nguyên cho trước.			1(TL1b)	

		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	<i>Thông hiểu:</i> – Biểu diễn được số nguyên trên trục số. – So sánh được hai số nguyên cho trước. <i>Vận dụng:</i> – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý). – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán,...).		2(TN 7, 8) (1TL3, a)	(1TL3b)	
3	Thu thập và tổ chức dữ liệu	Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước	<i>Nhận biết</i> - Nhận biết được tính hợp lý của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản.	1(TN10)			
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ	<i>Nhận biết:</i> – Đọc được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê;	2(TN9;11)			
			<i>Thông hiểu:</i> – Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>).				
4	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	<i>Thông hiểu:</i> – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau).				
		Hình chữ nhật, hình thoi, hình	<i>Nhận biết</i> – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc,	1(TN12)			

		<i>bình hành, hình thang cân</i>	đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.				
			<i>Thông hiểu</i> – Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...).			1(TL5)	

Đề kiểm tra gồm 2 trang

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu 1: Cho tập hợp $E = \{x \in \mathbb{N}^* | x \leq 9\}$. Khẳng định nào sau đây là **ĐÚNG**?

- A. $0 \in E$ B. $8 \notin E$ C. $9 \in E$ D. $12 \in E$

Câu 2: Trong các số sau, số nào là số tự nhiên?

- A. 1,23 B. 2002 C. $\frac{3}{2}$ D. -6

Câu 3: Số nào không phải là ước của 15?

- A. -5 B. 15 C. -3 D. 30

Câu 4: Trong các số 7; 8; 9; 10 số nguyên tố là:

- A. 9 B. 7 C. 8 D. 10

Câu 5: Khẳng định nào dưới đây **SAI**?

- A. $-4 \notin \mathbb{Z}$ B. $-2 \notin \mathbb{N}$ C. $3 \in \mathbb{Z}$ D. $0 \in \mathbb{Z}$

Câu 6: Khẳng định nào dưới đây **SAI**?

- A. Số đối của số +5 là -5. B. Số đối của -2012 là 2012.
C. Số đối của 17 là -(-17). D. Số đối của -44 là 44.

Câu 7: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào **SAI**?

- A. $4 > -5$ B. $-8 > -7$ C. $-2 < 0$ D. $-7 > -9$

Câu 8: Nhiệt độ hiện tại của phòng đông lạnh là -2°C . Nếu nhiệt độ giảm 7°C , nhiệt độ tại phòng đông lạnh sẽ là bao nhiêu?

- A. -5°C B. -9°C C. 5°C D. 9°C

Câu 9: Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số học sinh	0	0	3	2	6	4	8	6	7	5

Số học sinh đạt điểm Giỏi (từ 8 điểm trở lên) là:

- A. 12 B. 6 C. 26 D. 18

Câu 10: Cho bảng dữ liệu về danh sách học sinh giỏi của lớp 6A như sau:

STT	Họ và tên
1	Nguyễn Thiên Phú
2	Đỗ Thị Hoa
3	02345678
4	Trần Minh An

Điểm không hợp lý trong bảng dữ liệu trên là:

- A. Nguyễn Thiên Phú
B. Đỗ Thị Hoa
C. 02345678
D. Trần Minh An

Câu 11: Cho bảng thống kê xếp loại hạnh kiểm của tất cả học sinh lớp 6A như sau:

Xếp loại hạnh kiểm	Tốt	Khá	Trung bình
Số học sinh	32	6	2

Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh?

- A. 44 B. 40 C. 38 D. 32

Câu 12: Chọn khẳng định **SAI**:

- A. Hình bình hành có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.
B. Hình vuông có hai đường chéo bằng nhau.
C. Hình thoi có hai đường chéo bằng nhau và vuông góc với nhau.
D. Hình thang cân có hai góc kề một đáy bằng nhau.

PHẦN 2: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1: (1,0 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể)

a) $2^3 \cdot 3^2 + 5^{10} : 5^8 - 1^7$ b) $(-45) \cdot 12 + (-45) \cdot 88 + 600$

Câu 2: (1,5 điểm)

- a) Viết tập hợp $A = \{x \in \mathbb{Z} \mid -3 \leq x < 3\}$ bằng cách liệt kê các phần tử.
b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: $-5; 7; 13; 0; -15; -10$.

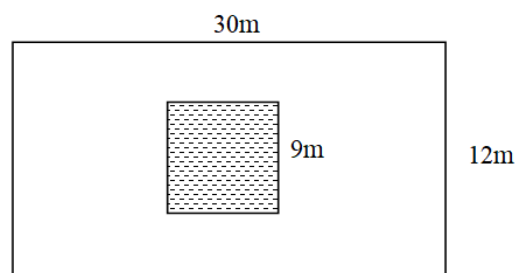
Câu 3: (1,0 điểm) Tìm số nguyên x , biết:

a) $x + 15 = -21$ b) $-60 - 2(x + 37) = 42$

Câu 4: (1,0 điểm)

Ba bạn Hoa, Mai, Lan thường đến thư viện để đọc sách. Hoa cứ 6 ngày đến một lần, Mai cứ 12 ngày đến một lần, Lan cứ 8 ngày đến một lần. Lần đầu ba bạn cùng đến chung một ngày. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày ba bạn lại cùng gặp nhau ở thư viện?

Câu 5: (1,0 điểm) Bác Hai có một mảnh vườn hình chữ nhật với chiều dài 30m và chiều rộng là 12m. Giữa mảnh vườn, bác đào một cái ao hình vuông để nuôi cá có độ dài cạnh 9m, phần còn lại của mảnh vườn bác dùng để trồng rau.



- a) Tính diện tích trồng rau.
b) Bác Hai đi mua hạt giống để trồng rau, biết cần gieo 20 gram hạt giống trên 1m^2 đất. Hỏi cần bao nhiêu gram hạt giống để gieo hết phần đất trồng rau.

Câu 6: (0,5 điểm) Trong một ngày, nhiệt độ Mát-xơ-va lúc 5 giờ là -6°C , đến 10 giờ tăng thêm 7°C , và lúc 12 giờ tăng thêm tiếp 3°C . Nhiệt độ Mát-xơ-va lúc 12 giờ là bao nhiêu?

Câu 7: (1,0 điểm) Một nhà sách nhập về một lô hàng gồm 40 cái máy tính Casio-fx570 với giá 14 000 000 đồng và bán ra với giá 400 000 đồng một máy. Sau khi bán được 20 cái máy tính thì nhà sách giảm giá còn 380 000 đồng/máy và bán hết số máy tính còn lại. Hỏi nhà sách lời hay lỗ bao nhiêu tiền khi bán hết lô hàng trên.

-- HẾT --

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HKI NĂM HỌC 2022 - 2023

MÔN TOÁN LỚP 6

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

1. C	2. B	3. D	4. B	5. A	6. C
7. B	8. B	9. D	10. C	11. B	12. C

PHẦN 2: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

	ĐIỂM
Câu 1: (1 điểm) a) $2^3 \cdot 3^2 + 5^{10} : 5^8 - 1^7$ $= 8 \cdot 9 + 5^2 - 1$ $= 72 + 25 - 1$ $= 96$ b) $(-45) \cdot 12 + (-45) \cdot 88 + 600$ $= -45 \cdot (12 + 88) + 600$ $= -45 \cdot 100 + 600$ $= -4500 + 600$ $= -3900$	 0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 2: (1,5 điểm) a) $A = \{-3; -2; -1; 0; 1; 2\}$ b) $-15; -10; -5; 0; 7; 13$	 0,75 0,75
Câu 3: (1 đ) a) $x + 15 = -21$ $x = -21 - 15$ $x = -36$ b) $-60 - 2(x + 37) = 42$ $2(x + 37) = -60 - 42$ $2(x + 37) = -102$ $x + 37 = -102 : 2$ $x + 37 = -51$ $x = -51 - 37$ $x = -88$	 0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 4: (1 điểm) Gọi x (ngày) là số ngày ít nhất ba bạn lại cùng gặp nhau ở thư viện ($x \in N^*$)	 0,25

Theo đề bài, ta có: $x \vdots 6$; $x \vdots 12$; $x \vdots 8$ và x nhỏ nhất $\Rightarrow x = \text{BCNN}(6; 12; 8)$ $6 = 2.3$ $12 = 2^2.3$ $8 = 2^3$ $\text{BCNN}(6; 12; 8) = 2^3.3 = 24$ $\Rightarrow x = 24$ Vậy sau ít nhất 24 ngày thì ba bạn lại cùng gặp nhau ở thư viện.	0,25 0,25 0,25
Câu 5: (1,0 điểm) a) Diện tích mảnh vườn là: $30.12=360 \text{ m}^2$: Diện tích ao cá là: $9.9 = 81 \text{ m}^2$ Diện tích trồng rau là: $360 - 81= 279 \text{ m}^2$ b) Khối lượng hạt giống cần để trồng là: $279.20 = 5580 \text{ (g)}$	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 6: (0,5 điểm) Nhiệt độ Mát-xơ-va lúc 12 giờ là : $(-6) + 7 + 3 = 4^{\circ}\text{C}$	0,25.2
Câu 7: (1 điểm) Số tiền khi bán 20 cái máy tính lúc đầu là: $400\,000 \cdot 20 = 8\,000\,000 \text{ (đồng)}$ Số máy tính còn lại là: $40 - 20 = 20 \text{ (cái)}$ Số tiền khi bán hết máy tính còn lại là: $380\,000 \cdot 20 = 7\,600\,000 \text{ (đồng)}$ Tổng số tiền khi bán hết 40 cái máy tính là: $8\,000\,000 + 7\,600\,000 = 15\,600\,000 \text{ (đồng)}$ Số tiền lời khi nhà sách bán hết 40 cái máy tính là: $15\,600\,000 - 14\,000\,000 = 1\,600\,000 \text{ (đồng)}$	0,25 0,25 0,25 0,25

PHÒNG GD&ĐT QUẬN TÂN PHÚ
TRƯỜNG THCS TRẦN QUANG KHẢI

ĐỀ KIỂM TRA HKI NĂM HỌC 2022 - 2023

ĐỀ DỰ BỊ

MÔN TOÁN LỚP 6

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu 13: Cho tập hợp $E = \{x \in \mathbb{N}^* / x \leq 5\}$. Khẳng định nào sau đây là **đúng**:

- A. $0 \in E$ B. $8 \notin E$ C. $5 \in E$ D. $10 \in E$

Câu 14: Trong các số sau, số nào là số tự nhiên?

- A. 1,23 B. 2003 C. $\frac{3}{2}$ D. -8

Câu 15: Số nào không phải là ước của -30?

- A. -5 B. 15 C. -30 D. 20

Câu 16: Trong các số 5; 8; 9; 10 số nguyên tố là:

- A. 9 B. 5 C. 8 D. 10

Câu 17: Chọn câu sai:

- A. $-5 \notin \mathbb{Z}$ B. $-2 \notin \mathbb{N}$ C. $3 \in \mathbb{Z}$ D. $0 \in \mathbb{Z}$

Câu 18: Khẳng định nào dưới đây **sai**?

- A. Số đối của số +5 là -5. B. Số đối của -2012 là 2012.
C. Số đối của 18 là -(-18). D. Số đối của -44 là 44.

Câu 19: Kết quả của phép tính $(-5).(-125).(8).(-2)$ là:

- A. 10000 B. -10000 C. 5000 D. -5000

Câu 20: Nhiệt độ hiện tại của phòng đông lạnh là -2°C . Nếu nhiệt độ giảm 7°C , nhiệt độ tại phòng đông lạnh sẽ là bao nhiêu?

- A. -5 B. -9 C. 5 D. 9

Câu 21: Em hãy chỉ ra các điểm không hợp lí trong bảng dữ liệu sau:

Danh sách học sinh giỏi lớp 6A

STT	Họ và tên
1	Nguyễn Thiên Phong
2	Đỗ Thị Hà
3	02345678
4	Trần Minh Anh

A. Nguyễn Thiên Phong

B. Đỗ Thị Hà

C. 02345678

D. Trần Minh Anh

Câu 22: Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số học sinh	0	0	3	2	6	4	8	4	8	5

Số học sinh đạt điểm Giỏi (Từ 8 điểm trở lên) là:

A. 12

B. 6

C. 26

D. 17

Câu 23: Hãy đọc bảng thống kê xếp loại hạnh kiểm lớp 6B sau:

Xếp loại hạnh kiểm	Tốt	Khá	Trung bình
Số học sinh	35	3	2

Hỏi lớp 6B có bao nhiêu học sinh?

A. 44

B. 40

C. 38

D. 32

Câu 24: Chọn khẳng định **sai**:

A. Hình bình hành có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

B. Hình chữ nhật có hai đường chéo bằng nhau.

C. Hình thoi có hai đường chéo bằng nhau và vuông góc với nhau.

D. Hình thang cân có hai góc kề một đáy bằng nhau.

PHẦN 2: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1: (1 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể)

a) $2^3 \cdot 3^2 + 8^{10} : 8^8 - 1^{10}$

b) $(-25) \cdot 12 + (-25) \cdot 88 + 300$

Câu 2: (1,5 điểm)

a) Viết tập hợp $A = \{x \in \mathbb{Z} / -4 \leq x < 4\}$ bằng cách liệt kê các phần tử.

b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: $-6; 8; 15; 0; -16; -12$

Câu 3: (1 điểm) Tìm số nguyên x , biết:

a) $x + 10 = -11$

b) $-30 - 2(x + 37) = 42$

Câu 4: (1 điểm) Ba bạn Hoa, Mai, Lan thường đến thư viện để đọc sách. Hoa cứ 10 ngày đến một lần, Mai cứ 12 ngày đến một lần, Lan cứ 8 ngày đến một lần. Lần đầu ba bạn cùng đến chung một ngày. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày, ba bạn lại cùng gặp nhau ở thư viện.

Câu 5: (1 điểm) Bác Hai có một mảnh vườn hình chữ nhật với chiều rộng là 12 mét và chiều dài hơn chiều rộng 13m. Giữa mảnh vườn bác đào một cái ao hình vuông để nuôi cá cạnh 8 mét, phần còn lại của mảnh vườn bác dùng để trồng rau.

c) Tính diện tích trồng rau.

d) Bác Hai đi mua hạt giống để trồng rau, biết cần gieo 20 gram hạt giống trong 1 mét vuông đất. Hỏi cần bao nhiêu gram hạt giống để gieo hết phần đất trồng rau.

Câu 6: (0,5 điểm) Nhiệt độ buổi trưa ở Luân Đôn là $4^{\circ}C$. Khi về đêm, nhiệt độ giảm xuống $11^{\circ}C$ so với buổi trưa. Hỏi nhiệt độ về đêm ở Luân Đôn là bao nhiêu độ C ?

Câu 7: (1 điểm) : Bạn An, bạn Bình và bạn Tâm cùng vào cửa hàng để mua bánh. Bạn An mua 1 bánh mặn, 1 bánh ngọt, 1 chai nước suối hết 50000 đồng. Bạn Bình mua 2 bánh mặn, 2 bánh ngọt, 1 chai nước suối hết 93000 đồng. Bạn Tâm mua 1 bánh mặn, 2 bánh ngọt, 2 chai nước suối hết 75000 đồng. Tính giá tiền của mỗi chiếc bánh mặn, mỗi chiếc bánh ngọt và mỗi chai nước suối. Biết cả ba bạn đều mua các loại bánh mặn, bánh ngọt và nước suối cùng nhãn và có giá giống nhau.

– HẾT –

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HKI NĂM HỌC 2022 - 2023

MÔN TOÁN LỚP 6

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

1. C	2. B	3. D	4. B	5. A	6. C
7. B	8. B	9. C	10. D	11. B	12. C

PHẦN 2: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

	ĐIỂM
Câu 1: (1 điểm) a) $2^3 \cdot 3^2 + 8^{10} : 8^8 - 1^{10}$ $= 8 \cdot 9 + 8^2 - 1$ $= 72 + 64 - 1$ $= 135$ b) $(-25) \cdot 12 + (-25) \cdot 88 + 300$ $= -25 \cdot (12 + 88) + 300$ $= -25 \cdot 100 + 300$ $= -2500 + 300$ $= -2300$	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 2: (1,5 điểm) a) $A = \{-4; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3\}$ b) $-16; -12; -6; 0; 8; 15$	0,75 0,75
Câu 3: (1 đ) a) $x + 10 = -11$ $x = -11 - 10$ $x = -21$ b) $-30 - 2(x + 37) = 42$ $2(x + 37) = -30 - 42$ $2(x + 37) = -72$ $x + 37 = -72 : 2$ $x + 37 = -36$ $x = -36 - 37$ $x = -73$	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 4: (1 điểm) Gọi x (ngày) là số ngày ít nhất ba bạn lại cùng gặp nhau ở thư viện. Điều kiện: $x \in \mathbb{N}^*$	0,25

Theo đề bài, ta có: $x : 10 ; x : 12 ; x : 8$ và x nhỏ nhất $\Rightarrow x = \text{BCNN}(6; 12; 8)$ $10 = 2.5$ $12 = 2^2.3$ $8 = 2^3$ $\text{BCNN}(6; 12; 8) = 2^3.3.5 = 120$ $\Rightarrow x = 120$ Vậy sau ít nhất 120 ngày thì ba bạn lại cùng gặp nhau ở thư viện.	0,25 0,25 0,25
Câu 5: (1,0 điểm) a) Diện tích mảnh vườn là: $(12+13).12=300 \text{ m}^2$: Diện tích ao cá là: $8.8 = 64 \text{ m}^2$ Diện tích trồng rau là: $300- 64 = 236 \text{ m}^2$ b) Khối lượng hạt giống cần để trồng là: $236 .20 = 4720 \text{ (g)}$	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 6: (0,5 điểm) nhiệt độ về đêm ở Luân Đôn là: $4 - 11 = - 7^0\text{c}$	0,5
Câu 7: (1 điểm) Giá tiền 1 bánh mận và 1 bánh ngọt là: $93\ 000 - 50\ 000 = 43\ 000$ (đồng) Giá của một chai nước suối là là: $50\ 000 - 43\ 000 = 7\ 000$ (đồng) Giá tiền một bánh mận và hai bánh ngọt là : $75\ 000 - 2.7\ 000 = 61\ 000$ (đồng) Giá tiền một bánh ngọt là: $61\ 000 - 43\ 000 = 18\ 000$ (đồng) Giá tiền một bánh mận là : $43\ 000 - 18\ 000 = 25\ 000$ (đồng)	0,25 0,25 0,25 0,25